

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 07 – 5 – 2019

“ *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình* ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Hồng.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2019/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX - ST ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn V** – sinh năm: 1975 (Có mặt).

- Bị đơn: Chị **Lê Thị N** – sinh năm: 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T.P, xã T.B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Lê Văn V trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Anh và chị N do tự tìm hiểu quen biết rồi đi đến hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh và chị N sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh. Thời gian đầu anh và chị N chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong tình cảm, vợ chồng thường xuyên cự cãi không còn quan tâm nhau. Chị N đã đi làm ở thành phố Hồ Chí

Minh từ tháng 4/2017 anh đã kêu về nhiều lần nhưng chị N không về anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nay anh thấy tình cảm đã không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Tấn N, sinh ngày 20/12/1995 và Lê Tấn L sinh ngày 21/10/2004. Hiện nay cháu N đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu L hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; nợ phải thu, phải trả*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn chị Lê Thị N trình bày***: Chị và anh V hôn nhân hình thành là do tự tìm hiểu có tổ chức đám cưới vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị và anh V sống bên gia đình anh V. Thời gian đầu chị và anh V chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh V bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong tình cảm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị đã đi thành phố Hồ Chí Minh làm từ tháng 4 năm 2017, chị và anh V đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh V yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Tấn N, sinh ngày 20/12/1995 và Lê Tấn L sinh ngày 21/10/2004. Hiện nay cháu N đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu L hiện nay đang sống chung với chị. Khi ly hôn con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả*: Chị và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Ý kiến của cháu Lê Tấn L***: Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với chị Nga.

- *Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án gồm*: Giấy xác nhận không đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh.

- *Bị đơn đã nộp*: Bảng khai ý kiến; Chứng minh nhân dân.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lê Văn V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa anh và chị Lê Thị N. Theo quy định tại khoản 1

Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Lê Thị N nhưng chị N vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Anh Lê Văn V và chị Lê Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay. Nay anh V và chị N đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng. Nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Tấn N, sinh ngày 20/12/1995 và Lê Tấn L sinh ngày 21/10/2004. Hiện nay cháu N đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu L hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn cháu L có nguyện vọng sống với chị N, chị N đồng ý nuôi dưỡng cháu L, anh V cũng đồng ý giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh V và chị N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Anh V và anh N thống nhất anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm: Buộc anh Lê Văn V phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Lê Văn V và chị Lê Thị N là vợ chồng.

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Tấn L sinh ngày 21 tháng 10 năm 2004 cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lê Thị N không yêu cầu anh Lê Văn V cấp dưỡng nuôi con nên anh Lê Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả:* Anh Lê Văn V và chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí sơ thẩm:*

+ Buộc anh Lê Văn V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N⁰ 0009543 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Anh Lê Văn V đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Chị Lê Thị N không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quế Hương